TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày: 07- 02 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Sơn Thị Sô Tha
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Hữu Thuận
2. Ông Võ Văn Đầy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Chế Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T, sinh năm 1978. Tại tỉnh Vĩnh Long;

Nơi cư trú: K2, thị trấn Đ, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc Ch, sinh năm 1951 và bà Võ Thị Cẩm H, sinh năm 1957; có 04 người anh, chị, em ruột lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất, sinh năm 1990; vợ: Cô Thị H, sinh năm 1982; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị tạm giữ ngày 21/01/2019 và chuyển tạm giam từ ngày 24/01/2019 cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Văn G – Văn phòng Luật sư Tư Gõ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc T.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*
1. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1948 (vắng mặt);
Địa chỉ: K2, thị trấn Đ, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.
2. Anh Trì Quốc V, sinh năm 1985 (có mặt);
3. Chị Trần Thị Mỹ T, sinh năm 1990 (có mặt).
Cùng địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ ngày 21/01/2019, Trần Ngọc T điều khiển xe ôtô tải biển số: 84C - 009.46 chở 1.200 kg cá lóc đến thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang để bán. Sau khi bán cá xong, trên đường đi về trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang bị cáo Tỉnh gặp một nam thanh niên người dân tộc Khmer không rõ họ tên và địa chỉ chào bán thuốc lá điếu nhập lậu nên T dừng xe lại và hỏi giá. Sau khi hỏi giá xong, nhận thấy giá thuốc thấp hơn ở địa bàn huyện Trà Cú mỗi bao 1000 đồng nên bị cáo đã nảy sinh ý định mua để bán lại cho các tiệm tạp hóa trên địa bàn huyện Trà Cú để kiếm lời và bị cáo T mua tổng cộng 7000 bao thuốc lá điếu nhập lậu với tổng số tiền là 93.450.000 đồng, cụ thể gồm: Thuốc hiệu Scott là 500 bao, giá 11.900đ/bao, tổng số tiền là 5.950.000 đồng; hiệu Jet là 1000 bao, giá 16.000đ/bao, tổng số tiền là 16.000.000 đồng); hiệu Hero là 5.500 bao, giá 13.000đ/bao, tổng số tiền là 71.500.000 đồng.

Sau khi mua xong, bị cáo T để thuốc vào các bọc nilon màu đen và đem để lên xe tải, rồi lấy các thùng không dùng để đựng cá lóc chất xung quanh và điều khiển xe đi về. Đến khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, khi T đi về đến đoạn đường Quốc lộ 54 thuộc ấp Chợ, xã Tân Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh thì bị phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Trần Ngọc T về tội Buôn bán hàng cấm được quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 190 Bộ luật hình sự.

Ngày 25/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú ra bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 12, đề nghị truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội Buôn bán hàng cấm được quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 190 Bộ luật hình sự.

Ngày 25/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú ra Cáo trạng, quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trà Cú để xét xử bị cáo Trần Ngọc T về tội Buôn bán hàng cấm theo điểm b, khoản 3, Điều 190 Bộ luật hình sự.

Ngày 25/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm vụ án, tuyên bị cáo Tỉnh phạm tội Buôn bán hàng cấm, xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 08 (tám) năm tù theo bản án số 15/2019/HS-ST. Ngày 09/5/2019, bị cáo Trần Ngọc T làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 14/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm vụ án, tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nhưng bị cáo Tỉnh khai thêm tình tiết là trong số tiền 93.450.000 đồng mà bị cáo dùng mua thuốc lá có 10.000.000 đồng do chị Trần Thị Mỹ T là vợ của anh Trì Quốc V chuyển khoản cho bị cáo và tất cả số thuốc lá điếu nhập lậu trên bị cáo Tỉnh mua vận chuyển về bán lại cho Trì Quốc V. Nhận thấy đây là tình tiết có ý nghĩa quan trọng đối với vụ án cần được điều tra làm rõ nên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh quyết định hủy bản án hình sự sơ thẩm số 15/2019/HS-ST, ngày 15/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, chuyển hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú để điều tra, truy tố, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận khoảng 07 giờ sáng ngày 21/01/2019 anh V gọi vào số điện thoại 0986.747273 của bị cáo và hỏi bị cáo có đi Châu Đốc

bán cá lóc không, bị cáo trả lời có nên V kêu bị cáo mua 7000 bao (700 cây) thuốc lá điếu nhập lậu, gồm: 500 bao hiệu Scott; 1000 bao hiệu Jet và 5.500 bao hiệu Hero về bán lại cho V và V cho bị cáo tiền lời mỗi bao là 1.000 đồng. Bị cáo đồng ý mua nhưng bị cáo không đủ tiền, V nói sẽ nạp tiền vào tài khoản cho bị cáo số tiền 30.000.000 đồng để mua thuốc khi về tính sau.

Bị cáo Tỉnh điều khiển xe ôtô tải biển số 84C-009.46, một mình chở 1.200 kg cá lóc đến thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang để bán. Đến khoảng hơn 8 giờ cùng ngày khi đi đến địa phận huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh thì chị T gọi điện thoại và cho biết là đã nạp số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng Agribank của bị cáo. Khi đi đến Ngân hàng Agribank chi nhánh thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long bị cáo vào rút số tiền 30.000.000 đồng và tiếp tục chở cá lóc đi đến thành phố Châu Đốc bán với giá mỗi kg cá lóc là 54.000 đồng, tổng cộng bị cáo bán cá được 64.800.000 đồng. Sau khi bán cá xong, trên đường về đến địa bàn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang thì bị cáo gặp một nam thanh niên, không rõ họ tên địa chỉ chào bán thuốc lá điếu nhập lậu nên bị cáo dùng tiền bán cá và số tiền 30.000.000 đồng do chị Tiền nạp vào tài khoản để mua tổng cộng 7000 bao thuốc lá điếu nhập lậu, với số tiền là 93.450.000 đồng như đã thỏa thuận với V.

Qua làm việc thì Trì Quốc V và Trần Thị Mỹ T không thừa nhận vào ngày 21/01/2019 có thỏa thuận và cũng không kêu chị T nạp tiền vào tài khoản cho bị cáo T để mua thuốc lá điếu nhập lậu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú đã tiến hành xác minh tại ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Trà Cú phòng giao dịch Đại An, kết quả từ ngày 27/11/2018 đến ngày 17/01/2019 chị T có chuyển tiền cho bị cáo T 14 lần thông qua 02 số tài khoản 7307205126885 và 7407205069204 của bị cáo T mở tại Ngân hàng Agribank. Trong ngày 21/01/2019 cả hai số tài khoản trên của bị cáo T đều không có giao dịch, chị T không có chuyển tiền cho bị cáo. Đối với số điện thoại 0986.747273 là của bị cáo T khai sử dụng để liên lạc với anh V trong việc thỏa thuận mua bán thuốc lá điếu nhập lậu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú đã yêu cầu Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội cung cấp chi tiết lịch sử liên lạc của thuê bao trên, kết quả trong ngày 21/01/2019, số thuê bao trên không có lịch sử liên lạc.

Về việc tạm giữ và xử lý vật chứng có liên quan trong vụ án:

- Ngày 23/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú ra Quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu gồm: 500 bao thuốc lá điếu nhập lậu nhãn hiệu SCOTT; 1.000 bao thuốc lá điếu nhập lậu nhãn hiệu JET; 5.500 bao thuốc lá điếu nhập lậu nhãn hiệu HERO; 01 (một) xe ô tô tải mang biển kiểm soát: 84C - 009.46 nhãn hiệu JAC, màu sơn bạc, số máy: CY4102BZLQ11122223, số khung: RRGTT42D4BB100084 (xe đã qua sử dụng); 01(một) giấy đăng ký xe số: 004661 mang tên Trần Thị Đ, địa chỉ: k 2, thị trấn Đ, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; 01 (một) giấy phép lái xe số: AS726840 mang tên Trần Ngọc T, sinh năm: 1978 nơi cư trú: xã Đông Thạnh, huyện Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: 6762372 và 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số: 180142833 từ Trần Ngọc Tỉnh.

- Ngày 19/8/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú ra Quyết định tạm giữ một điện thoại di động hiệu Mobell, đã qua sử dụng có 02 số IMEI:

8100936000089031 và 8100946000089031, sử dụng sim số 0986747273 do bà Cô Thị H giao nộp.

Tại bản cáo trạng số: 02/VKS-HS ngày 05/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội "Buôn bán hàng cấm" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Trần Ngọc T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát huyện Trà Cú đã truy tố.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú: Sau khi phân tích các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc T. Đại diện Viện kiểm sát quyết định giữ nguyên bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội "Buôn bán hàng cấm" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội buôn bán hàng cấm và đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 08 (Tám) đến 09 (Chín) năm tù.

Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

Quan điểm của Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc T như sau: Thống nhất nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với các lý do: bị cáo có nhân thân tốt,gia đình có công với Cách mạng; trình độ học vấn thấp, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính trong gia đình, có 03 người con còn nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng để cho bị cáo được giảm nhẹ một phần hình phạt theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 và xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của bị cáo Trần Ngọc T: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa thể hiện: Vào ngày 21/01/2019, bị cáo đã mua 7.000 bao thuốc lá điếu nhập lậu (gồm có: 500 bao thuốc lá điếu hiệu Scott, 1.000 bao thuốc lá điếu hiệu Jet và 5.500 bao thuốc lá điếu hiệu Hero) với giá 93.450.000 đồng trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang với mục đích để bán lại

kiếm lời. Đến khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, khi đang trên đường vận chuyển về đến đoạn đường ấp Chợ, xã Tân Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh thì bị phát hiện bắt quả tang cùng tang vật. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Ngọc T phạm tội "Buôn bán hàng cấm" quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự, nhận thức được việc buôn bán thuốc lá điều nhập lậu trên thị trường là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì hám lợi nhuận mà vẫn cố ý thực hiện; gây tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Đối với tình tiết mà bị cáo T khai tại phiên Tòa phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh là ngày 21/01/2019, chị T nạp tiền vào tài khoản cho bị cáo số tiền 10.000.000 đồng, đến khi làm việc lại bị cáo khai chị Tiền nạp tiền vào tài khoản cho bị cáo số tiền 30.000.000 đồng, sau khi nạp tiền xong chị T thông báo qua điện thoại cho bị cáo biết để rút tiền sử dụng mua thuốc lá điếu nhập lậu như đã thỏa thuận trước. Kết quả xác minh tại Ngân hàng Agribank, vào ngày 21/01/2019 chị T không có nạp tiền vào 02 số tài khoản cho bị cáo và kết quả chi tiết lịch sử liên lạc của số thuê bao 0986.747273 của bị cáo T vào ngày 21/01/2019 không có chi tiết lịch sử liên lạc, từ những chứng cứ thu thập được, đủ cơ sở để bác bỏ lời khai của bị cáo T đối với nội dung nêu trên.

Đối với anh Trì Quốc V khai nhận trước khi bị cáo T bị bắt, anh V đã nhiều lần mua thuốc lá điếu nhập lậu của T để bán lại kiếm lời, số lượng mua mỗi lần khác nhau, anh V không xác định được cụ thể mỗi lần là bao nhiêu, sau khi mua xong anh V đã bán hết, kết quả đối chất bị cáo T không thừa nhận hành vi đã bán thuốc lá điếu nhập lậu nhiều lần cho V trước khi bị bắt, do không thu được số thuốc lá điếu nhập lậu nên không có căn cứ xử lý đối với anh V về hành vi Buôn bán hàng cấm.

Đối với chị Trần Thị Mỹ T; Quá trình xác minh thì từ ngày 27/11/2018 đến ngày 17/01/2019, chị T đã 14 lần nạp tiền vào 02 số tài khoản của bị cáo T, việc chị T chuyển tiền cho bị cáo T là theo yêu cầu của anh V. Do đó, chị T hoàn toàn không biết việc chuyển tiền trên là do anh V đã mua thuốc lá của bị cáo T nên không có căn cứ xử lý đối với chị T.

Đối với phương tiện là xe ô tô tải biển số: 84C - 009.46 do bà Trần Thị Đlà chủ sở hữu. Qua điều tra xác định bà Đ cho bị cáo T thuê để làm phương tiện mua bán cá, hàng tháng tùy theo lợi nhuận từ việc mua bán cá thì bị cáo T trả cho bà Đ từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ, việc bị cáo T mua bán hàng cấm bà Đ không biết nên không có căn cứ để xử lý đối với bà Đ.

Trong vụ án này, đối với người nam thanh niên đã bán thuốc lá điếu, do bị cáo T không quen biết, không rõ họ tên, địa chỉ nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú chưa có cơ sở xác định, nên kiến nghị cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo luật định.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét đến những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, là lao động chính trong gia đình, có 03 người con còn nhỏ và gia đình của bị cáo có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội buôn bán hàng cấm có thể bị phạt hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 190 của Bộ luật hình sự, nhưng bị cáo có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế và có xác nhận của Ủy an nhân dân thị trấn Đ, huyện Trà Cú nên Hội đồng xét xử miễn phạt bổ sung phạt tiền cho bị cáo.

[5] Xét bản luận tội của vị Kiểm sát viên kết luận bị cáo Trần Ngọc T phạm tội " Buôn bán hàng cấm" quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng, mức hình phạt, tình tiết tăng năng, giảm nhẹ, về xử lý vật chứng và án phí mà vị Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với tính chất vụ án và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc T: bị cáo có nhân thân tốt, gia đình có công với cách mạng; trình độ học vấn thấp, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính trong gia đình, có 03 người con còn nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng và đề nghị xử phạt bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt là có cơ sở nghĩ nên chấp nhận một phần.

[7] Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 7.000 bao thuốc lá điếu nhập lậu (gồm: 500 bao thuốc lá điếu hiệu Scott; 1.000 bao thuốc lá điếu hiệu Jet và 5.500 bao thuốc lá điếu hiệu Hero là hàng cấm và không có giá trị sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. (Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/3/2019)

Đối với 01 (một) xe ôtô tải mang biển kiểm soát 84C- 009.46 nhãn hiêu JAC, màu sơn bạc, số máy CY4102BZLQ11122223, số khung RRGTT42D4BB100084 (xe đã qua sử dụng); 01 (một) giấy đăng ký xe số 004661; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số: 6762372 và 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ôtô số 180144233 của bà Trần Thị Đường đứng tên nhưng chủ sở hữu là bà Trần Thị Đ. Ngày 30/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú ra Quyết định trả lại tài sản nêu trên cho bà Đ là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 (một) giấy phép xe số: AS726840 là của bị cáo T ngày 22/02/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú ra Quyết định trả lại cho bị báo là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với một điện thoại di động hiệu Mobell, đã qua sử dụng có 02 số IMEI: 8100936000089031 và 8100946000089031, sử dụng sim số 0986747273 do bị cáo

T sử dụng cho đến khi bị bắt quả tang do bà Cô Thị H giao nộp không liên quan đến vụ án nên hoàn trả lại cho bị cáo Tỉnh quản lý.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Trà Cú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội "Buôn bán hàng cấm".

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc T 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/01/2019.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 7.000 bao thuốc lá điếu nhập lậu (gồm: 500 bao thuốc lá điếu hiệu Scott; 1.000 bao thuốc lá điếu hiệu Jet và 5.500 bao thuốc lá điếu hiệu Hero). Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/3/2019.

Hoàn trả cho bị cáo Trần Ngọc T một điện thoại di động hiệu Mobell, đã qua sử dụng có 02 số IMEI: 8100936000089031 và 8100946000089031, sử dụng sim số 0986747273.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Ngọc T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Sơn Thị Sô Tha

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- CQTHAHS CA huyện Trà Cú;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- Lưu VP, HS.